TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc
Ông Huỳnh Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 74/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1977.
Ông Hoàng Thanh L, sinh năm 1968.
Cùng địa chỉ: Tổ 34, ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bà H có mặt, ông L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1980.
Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1977.
Cùng địa chỉ: Tổ 34, ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L trình bày:

Bà T và ông N là người sống cùng xóm với ông L, bà H. Ngày 02 tháng 5 năm 2016, bà T và ông N có đến gặp ông L hỏi vay tiền, ông L đồng ý cho vay

số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Bà T có ký nhận vào giấy mượn tiền viết tay do ông L viết. Bà T đã nhận tiền và đóng lãi được 3 tháng.

Ngày 21-8-2017 (nhằm ngày 30-6 âm lịch), bà T sang nhà gặp bà H vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Bà T có ghi giấy tay. Số tiền này bà T đã trả lãi được 6.000.000 đồng.

Ngày 09-9-2017 (nhằm ngày 19-7 âm lịch), bà T gặp bà H vay thêm 100.000.000 đồng, không lãi suất. Số tiền này chỉ vay tạm 15 ngày nên bà T cũng chỉ viết tiếp vào tờ giấy tay của lần mượn ngày 30-6 (âm lịch). Tờ giấy tay này là do bà T tự viết ra nhưng không ký và ghi họ tên người vay.

Đến hạn trả nợ, bà T không trả mà hẹn dần, sau đó bà T và ông N đã bỏ đi khỏi địa phương. Do vậy, bà H, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông N phải thanh toán tổng số tiền của 03 lần vay là 320.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Duy N đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt tại Tòa án, không cung cấp lời khai, chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình cũng như có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án. Do vậy, cấp sơ thẩm đã giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L; buộc bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ đã vay của cho ông Hoàng Thanh L và bà Trần Thị H là 120.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị H, ông Nguyễn Thanh L về việc yêu cầu bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N thanh toán số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28-8-2018, nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Nguyễn Thanh L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Nguyễn Thanh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N vắng mặt không rõ lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm chứng cứ.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H, ông L phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

- Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H, ông Nguyễn Thanh L đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Bị đơn bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về khoản nợ 120.000.000 đồng*:

Bà H, ông L yêu cầu bà T, ông N trả khoản nợ gốc 120.000.000 đồng, theo giấy mượn tiền ngày 05-9-2016. Căn cứ những chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập là bản gốc giấy mượn tiền ngày 05-9-2016 (Bl 22) và Kết luận giám định số 212/PC54-D3 ngày 30-5-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đủ căn cứ kết luận việc bà Tạ Thị T vay số tiền 120.000.000 đồng của bà H, ông L là có thật. Khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T, ông N. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà T, ông N phải trả cho bà H, ông L khoản nợ này là có căn cứ. Quyết định của bản án sơ thẩm về khoản nợ này không bị kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

[2.2] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với khoản nợ 200.000.000 đồng:*

Ngoài khoản nợ 120.000.000 đồng trên, bà H, ông L còn yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông N trả khoản nợ gốc 200.000.000 đồng của hai lần vay (mỗi lần vay 100.000.000 đồng), theo nội dung tờ giấy viết tay ghi nhận việc vay nợ giữa hai bên do nguyên đơn cung cấp (Bl 21). Theo nguyên đơn khai, tờ giấy này do chính bà T viết có nội dung là: "*30-6 (âm lịch), hết tháng nhuận, rồi tính từ tháng 7 âm năm 2017, em mượn chị H 100.000.000 đồng, T có mượn chị H lời 40*" và "*19-6 âm năm 2017 T mượn thêm chị H 100.000.000 đồng*". Tuy nhiên, qua xem xét nội dung tờ giấy trên, thấy rằng: Đây là dạng văn bản viết tay, không có tiêu đề, không ghi rõ thời gian, địa điểm lập và không có chữ ký, họ tên người vay tiền và người cho vay tiền, không có người làm chứng. Cấp sơ thẩm cũng đã trưng cầu giám định chữ viết trong tờ giấy này với các

mẫu chữ viết trong tài liệu đối chứng để xác định chữ viết trong tờ giấy này có phải của bà T không nhưng cơ quan giám định trả lời không đủ căn cứ giám định. Bị đơn là bà T, ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ai xác thực lời khai của nguyên đơn. Vì vậy, không đủ căn cứ kết luận bà T, ông N có vay bà H, ông L số tiền 200.000.000 đồng theo nội dung tờ giấy viết tay mà nguyên đơn cung cấp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông L đối với khoản nợ này là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà H, ông L đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về tiền lãi*:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông L xác nhận không yêu cầu bà T, ông N trả tiền lãi đối với các khoản nợ trên nên cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp.

[3] *Về án phí, chi phí giám định*:

- Chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Do kết quả giám định chỉ chứng minh được một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà H, ông L phải chịu ½ chi phí giám định, ½ còn lại bà T và ông N phải chịu. Bà H và ông L đã nộp tạm ứng nên buộc bà T và ông N hoàn trả cho bà H và ông L số tiền là 2.500.000 đồng.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà T, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể: 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng. Bà H, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bị đơn trả nhưng không được chấp nhận là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn bà H, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L đối với bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Buộc bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N phải thanh toán cho bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, theo giấy mượn tiền ngày 05-9-2016.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L về việc buộc bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N phải thanh toán số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

3. *Về chi phí giám định*: Bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng và đã nộp xong.

Bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N phải hoàn trả cho bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Tạ Thị T, ông Nguyễn Duy N phải nộp 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L phải nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004986 ngày 24-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, bà H, ông L còn phải nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Trần Thị H, ông Hoàng Thanh L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001417 ngày 28-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Đất Đỏ, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Vỹ